

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2022/DS-PT

Ngày: 14/11/2022

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, hủy
quyết định cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2022/TLPT-DS ngày 08/8/2022 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, hủy quyết định cá biệt*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: K261/9 đường H, tổ 57 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Võ Thanh H, sinh năm 1976; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: K261/7 đường H, tổ 57 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Xuân V, luật sư, Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố

Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1997; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; Có đơn xin xét xử vắng mặt và bà Trần Thị Thùy T; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1956. Địa chỉ: K261/15 đường H, tổ 57 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông Nguyễn T (Nguyễn Tấn T), sinh năm 1962. Địa chỉ: K261/13 đường H, tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Trần Thị B, sinh năm 1966. Địa chỉ: K261/9 đường H, tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Đinh Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: K261/7 đường H, tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: K261/13 đường H, tổ 57 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: K261/15 đường H, tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H; bị đơn ông Nguyễn Tấn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K, bà Nguyễn Thị T, bà Đinh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H gửi đến Tòa án ngày 26/6/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm; ông Lê Võ Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Cụ Nguyễn H chết năm 1970 và cụ Lê Thị Đ chết năm 1987 không để lại di chúc và có 05 người con, gồm ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T (Nguyễn Tấn T) và Nguyễn Tấn T. Các cụ không có con riêng, con nuôi nào khác.

Khi còn sống, các cụ có tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 10, thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) nay là

tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất 2.530m^2 và 01 ngôi nhà cấp 4 có cấu trúc tường xây, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng $55,1\text{m}^2$.

Ngày 03/4/1996, các ông Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T và Nguyễn Tấn T có Văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Trong đó, giao cho ông Nguyễn Tấn T được ở ngôi nhà mà các anh em thống nhất làm nhà thờ cha mẹ, diện tích còn lại được chia đều cho 03 ông là Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn T. Cuộc họp này không có sự tham gia của bà Nguyễn Thị T vì bà T lấy chồng xa. Sau đó, ông T kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 598838 ngày 06/12/1996, sổ vào sổ 2749 QSDĐ/1081/QĐ-UB có thửa đất 698a, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.200m^2 đất ở và đất vườn, trong đó có nhà của cha mẹ để lại. Việc kê khai của ông T là gian dối và không đúng theo thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Ông Nguyễn Tấn H kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1808 ngày 06/12/1996 có thửa đất 697, tờ bản đồ số 20, diện tích 130m^2 đất ở. Ông Nguyễn Tấn T kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1897 ngày 06/12/1996 đối với thửa đất 698b, tờ bản đồ số 20, diện tích 840m^2 đất ở và đất vườn.

Khi biết được sự việc ông H có làm đơn khiếu nại đến UBND phường H và được giải quyết tại Biên bản họp ngày 19/4/2018, trong đó ông T cũng thừa nhận việc đất đai hiện đang ở là di sản của cha mẹ để lại, nhưng không đồng ý việc chia lại diện tích đất bằng nhau cho các anh chị em.

Nay các anh chị em đều thừa nhận diện tích đất 2.530m^2 nhưng qua đo đạc thực tế có diện tích là $2.467,3\text{m}^2$, đây là di sản thừa kế của cha mẹ để lại chưa chia. Do đó, nguyên đơn ông H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Công nhận diện tích đất $2.467,3\text{m}^2$ tại tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ để lại chưa chia. Đề nghị chia quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế. Còn ngôi nhà cấp 4 của cha mẹ để lại có cấu trúc tường xây, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng $55,1\text{m}^2$ do hiện nay đã xuống cấp, không có giá trị nên không yêu cầu chia.

- Đề nghị hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1808 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn H; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 598838 ngày 06/12/1996, vào sổ số 2749 đứng tên ông Nguyễn Tấn T; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1897 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 698b, tờ bản đồ số 20, diện tích 840m^2 . Vì khi kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu bà Nguyễn Thị T.

Trên diện tích đất hiện nay ông H đang quản lý, sử dụng có công trình xây dựng và nhà ở do vợ chồng ông H và bà Trần Thị B xây dựng.

**** Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày tại Bản tự khai ngày 04/12/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:***

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì diện tích nhà đất của ông đang ở đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/1996 tại tờ bản đồ số 20, số thửa 698a, diện tích 1200m² đất ở và đất vườn. Gia đình ông đã sử dụng ổn định từ khi nhà nước cấp giấy cho đến nay, không có tranh chấp.

Trên diện tích đất ông đang quản lý, sử dụng có công trình xây dựng - nhà ở có 04 ngôi nhà, gồm: 01 ngôi nhà của cha mẹ, 03 ngôi nhà do ông và vợ là bà Đinh Thị H xây dựng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

+ Ông Nguyễn Tấn K thống nhất với trình bày của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm có ý kiến như sau:

- Công nhận diện tích đất 2.467,3m² tại tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ để lại chưa chia. Đề nghị chia quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế. Còn ngôi nhà cấp 4 của cha mẹ để lại có cấu trúc tường xây, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng 55,1m² do hiện nay đã xuống cấp, không có giá trị nên không yêu cầu chia.

- Đề nghị hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1808 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn H; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 598838 ngày 06/12/1996, vào sổ số 2749 đứng tên ông Nguyễn Tấn T; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1897 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 698b, tờ bản đồ số 20, diện tích 840m². Vì khi kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu bà Nguyễn Thị T.

Trên diện tích đất hiện nay ông đang quản lý cùng với ông Nguyễn T có công trình xây dựng - nhà ở do ông và vợ là bà Lê Thị H xây dựng.

+ Ông Nguyễn T thống nhất với trình bày của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm có ý kiến như sau:

- Công nhận diện tích đất 2.467,3m² tại tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ để lại chưa chia. Đề nghị chia quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế. Còn ngôi nhà cấp 4 của cha mẹ để lại có cấu trúc tường xây, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng 55,1m² do hiện nay đã xuống cấp, không có giá trị nên không yêu cầu chia.

- Đề nghị hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1808 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn H; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 598838 ngày 06/12/1996, vào sổ số 2749 đứng tên ông Nguyễn Tấn T; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1897 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 698b, tờ bản đồ số 20, diện tích 840m². Vì khi kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu bà Nguyễn Thị T.

Trên diện tích đất hiện nay ông đang quản lý có công trình xây dựng - nhà ở do ông và vợ là bà Nguyễn Thị T cùng xây dựng.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là bà Huỳnh Thị M thống nhất với trình bày của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị giải quyết như sau:*

- Công nhận diện tích đất 2.467,3m² tại tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ để lại chưa chia. Đề nghị chia quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế. Còn ngôi nhà cấp 4 của cha mẹ để lại có cấu trúc tường xây, mái ngói, nền xi măng, diện tích xây dựng 55,1m² do hiện nay đã xuống cấp, không có giá trị nên không yêu cầu chia.

- Đề nghị hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp, gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1808 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn H; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 598838 ngày 06/12/1996, vào sổ số 2749 đứng tên ông Nguyễn Tấn T; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1897 ngày 06/12/1996 đứng tên ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 698b, tờ bản đồ số 20, diện tích 840m². Vì khi kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu bà Nguyễn Thị T.

+ *Bà Trần Thị B thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H.*

+ *Bà Đinh Thị H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T.*

+ *Bà Nguyễn Thị T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Tấn T.*

+ *Bà Lê Thị H không có ý kiến phản hồi gì về nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H khởi kiện.*

+ *UBND huyện H trình bày tại Công văn số 94/UBND-TNMT ngày 20/01/2020 như sau:*

Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, việc cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Tấn T và ông Nguyễn Tấn T là đúng quy trình thủ tục được quy định tại Quyết định số 201/QĐ/ĐTK ngày 14/7/1989 và T tư số 302 TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất; trên cơ sở họp xét và đề nghị của Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã H (cũ), thì UBND huyện ban hành quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên toàn xã.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên toàn địa bàn huyện H (cũ) theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ do Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các xã xét và đề nghị huyện cấp nên không có hồ sơ lưu của từng hộ. Đối với hồ sơ địa chính của xã H (cũ) trước đây khi chia tách quận, huyện thì UBND huyện H đã bàn giao toàn bộ hồ sơ cho UBND quận L.

** Về Sơ đồ vị trí thửa đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng ngày 08/02/2021 và Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value ngày 19/7/2021 các đương sự thống nhất và không có ý kiến gì.*

****Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 34, 227, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế theo pháp luật và hủy quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của ông Nguyễn Tấn H.

2. Công nhận diện tích đất 2.467,3m² tại các thửa đất số 697, 698a, 698b thuộc tờ bản đồ số 20, xã Hoà Khánh, huyện Hoà Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ (nay là tờ bản đồ số 89, địa chỉ K261 đường H, tổ 57, phường Hoà Khánh Nam, quận L, thành phố Đà Nẵng), có giá trị là 24.671.491.067 đồng (hai mươi bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng) là di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của các cụ, gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T (Nguyễn Tấn T) và Nguyễn Tấn T mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế tương ứng với giá trị là 4.934.298.213 đồng (bốn tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm mười ba đồng).

3. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) cấp gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1808/QSĐĐ/1081/QĐUB ngày 06/12/1996 cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 598838, vào sổ số 2749/QSĐĐ/1081/QĐUB ngày 06/12/1996 cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn T;

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1897/QSĐĐ/1081/QĐUB ngày 06/12/1996 cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 698b, tờ bản đồ số 20.

4. Về giao hiện vật:

4.1. Giao cho ông Nguyễn Tấn H được nhận quyền sử dụng diện tích đất 333,1m², (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn Tấn H và bà Trần Thị B). Trị giá lô đất là 5.411.830.022 đồng (năm tỷ, bốn trăm mười một triệu, tám trăm ba mươi nghìn, không trăm hai mươi hai đồng). *(Có sơ đồ kèm theo)*.

4.2. Giao cho ông Nguyễn Tấn T được nhận quyền sử dụng diện tích đất 1.057,6m² và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 có cấu trúc tường xây, mái ngói, nền xi măng có diện tích 55,1m² của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ để lại, (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn Tấn T và bà Đinh Thị H). Trị giá lô đất là 6.430.938.161 đồng (sáu tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi một đồng). *(Có sơ đồ kèm theo)*.

4.3. Giao cho ông Nguyễn T (Nguyễn Tấn T) được nhận quyền sử dụng diện tích đất 433,8m², (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T). Trị giá lô đất là 6.835.700.291 đồng (sáu tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn, hai trăm chín mươi một đồng). *(Có sơ đồ kèm theo)*.

4.4. Giao cho ông Nguyễn Tấn K được nhận quyền sử dụng diện tích đất 342,8m², (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn Tấn K và bà Lê Thị H). Trị giá lô đất là 3.762.465.225 đồng (ba tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng). *(Có sơ đồ kèm theo)*.

4.5. Giao cho bà Nguyễn Thị T được nhận quyền sử dụng diện tích 300m² đất. Trị giá lô đất là 2.230.557.368 đồng (hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng). *(Có sơ đồ kèm theo)*.

5. Về nghĩa vụ thời trả:

+ Ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ thời trả tiền chênh lệch chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.496.639.948 đồng (một tỷ, bốn trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng).

+ Ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ thôi trả tiền chênh lệch chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 477.531.809 đồng (bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, tám trăm lẻ chín đồng).

+ Ông Nguyễn T có nghĩa vụ thôi trả tiền chênh lệch chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 729.569.088 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

+ Ông Nguyễn T có nghĩa vụ thôi trả tiền chênh lệch chia thừa kế cho ông Nguyễn Tấn K số tiền là 1.171.832.988 đồng (một tỷ, một trăm bảy mươi một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

6. Các ông (bà) Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T và ông Nguyễn Tấn T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13/6/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia cho ông diện tích đất khoảng 493m².

Ngày 09/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H đều có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Ngày 03/4/1996, anh em trong gia đình đã lập giấy thỏa thuận và đã được chính quyền địa phương cấp đất; ngoài diện tích đất được cấp, trước đó ông Nguyễn Tấn H đã được cha mẹ cho cả ngàn mét vuông đất, hơn nữa diện tích đất ông H được phân chia chiếm phần lớn mặt tiền đường kiệt, còn bà Nguyễn Thị T từ khi chia đất đến nay không có ý kiến gì nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H.

Ngày 06/6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K có đơn kháng cáo cho rằng, diện tích đất gia đình ông đang sử dụng 420m² nhưng bị cắt bớt còn 342,8m² là ông không đồng ý; ông H được cha mẹ cho cả ngàn mét vuông nên cắt bớt phần của ông H.

Ngày 09/6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H. Ngày 27/6/2022, bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị bổ sung đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H, giữ nguyên tình trạng ban đầu mà các anh em bà đã ở ổn định từ trước đến nay. Nếu tiếp tục chia thì phần của bà được hưởng thừa kế đối với diện tích đất 214,8m² và khoản tiền ông T thôi trả cho bà thì bà cho em trai út Nguyễn Tấn T để em trai tự tính toán xây dựng nhà thờ để thờ cúng ông bà, tổ tiên. Còn diện tích đất 82,5m² cho em trai Nguyễn Tấn K sử dụng.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 09/6/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H. Ngày 28/6/2022, ông Nguyễn T có đơn xin rút đơn kháng cáo nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 BLTTDS, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Nguyễn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H do ông Lê Võ Thanh H đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn ông Nguyễn Tấn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K, bà Nguyễn Thị T (do bà Trần Thị Thùy T đại diện theo ủy quyền), bà Đinh Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia phần diện tích đất cho ông khoảng 493m². Bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H cho rằng, ngày 03/4/1996 anh em trong gia đình đã lập giấy thỏa thuận và đã được chính quyền địa phương cấp đất; ngoài diện tích đất được cấp, trước đó ông H đã được cha mẹ cho cả ngàn mét vuông đất, hơn nữa diện tích đất ông H được phân chia phần lớn chiếm mặt tiền đường kiệt; còn bà Nguyễn Thị T từ khi chia đất đến nay không có ý kiến gì nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K cho rằng, diện tích đất gia đình ông sử dụng 420m² nhưng bị cắt bớt còn 342,8m² là ông không đồng ý, ông H được cha mẹ cho cả ngàn mét vuông đất nên cắt bớt phần của ông H. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T tại đơn kháng cáo bổ sung cũng như lời trình bày của bà Trần Thị Thùy T là người đại diện theo ủy quyền của bà T tại phiên tòa yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H; trong trường hợp phải chia thừa kế thì phần của bà T đối với diện tích đất 214,8m² và khoản tiền ông T thối trả cho bà T thì bà T giao cho em trai út Nguyễn Tấn T để em trai tự tính toán và xây dựng nhà thờ để thờ cúng ông bà tổ tiên; còn diện tích đất 85,2m² cho em trai Nguyễn Tấn K sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H, bị đơn ông Nguyễn Tấn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K, bà Đinh Thị H. Công nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T giao phần thừa kế của mình đối với diện tích đất 214,8m² và khoản tiền ông T thối trả cho bà 1.496.639.948 đồng (một tỷ, bốn trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng) cho ông Nguyễn Tấn T để ông T tự tính toán và xây dựng nhà thờ để thờ cúng ông bà tổ tiên và bà T giao phần thừa kế của mình đối với diện tích đất 85,2m² cho ông Nguyễn Tấn K được quyền sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Vợ chồng cụ Nguyễn H (chết năm 1970) và cụ Lê Thị Đ (chết năm 1987) có 05 người con bao gồm các ông, bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T (Nguyễn Tấn T), Nguyễn Tấn T. Khi còn sống cụ H và cụ Đ đã tạo lập được khối tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ), nay là tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và có đăng ký, kê khai trong sổ ruộng đất của Hợp tác xã H (cũ) theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 03/3/1983 với diện tích đất là 2.530m²; trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 55,1m². Theo kết quả đo đạc tại sơ đồ vị trí thửa đất của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng ngày 08/02/2021 thì diện tích đất thực tế là 2.467,3m². Di sản thừa kế của cụ H và cụ Đ để lại đã được các đồng thừa kế thừa nhận, phù hợp với Công văn số 270/UBND ngày 12/11/2019 của UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 03/4/1996, các ông Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T, Nguyễn Tấn T đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại; ông H, ông T, ông T đã kê khai và được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Văn bản thỏa thuận này không có bà Nguyễn Thị T; sự phân chia không nêu rõ diện tích, tứ cận, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, ông H đã khiếu nại và dẫn đến khởi kiện.

Bản án sơ thẩm xác định diện tích đất thực tế 2.467,3m² là di sản của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H, hộ ông Nguyễn Tấn T và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn T; chia kỷ phần thừa kế cho các con cụ H, cụ Đ bao gồm: bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Tấn K, ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn T (Nguyễn Tấn T), ông Nguyễn Tấn T về phần đất được nhận cũng như nghĩa vụ bồi đắp khi nhận kỷ phần nhiều hơn là hoàn toàn hợp tình, hợp lý, đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị bổ sung đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T ngày 27/6/2022 cũng như phần trình bày tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là bà Trần Thị Thùy T đều thể hiện: Bà T tự nguyện giao phần thừa kế của bà T được nhận đối với phần diện tích đất 214,8m² (Ký hiệu E trên sơ đồ) cho ông Nguyễn Tấn T và giao cho ông Nguyễn Tấn T 1.496.639.948 đồng (một tỷ, bốn trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng) là số tiền mà ông T bồi đắp chênh lệch chia thừa kế cho bà T, để phần đất và tiền nói trên ông T tự tính toán và xây dựng nhà thờ để thờ cúng ông bà tổ tiên và đã được ông T tại phiên tòa phúc thẩm chấp nhận. Đồng thời, tại đơn nói trên của bà Nguyễn Thị T cũng như phần trình bày tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay của người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Trần Thị Thùy T đều thể hiện: Giao cho ông Nguyễn Tấn

K phần diện tích đất bà T được nhận thừa kế đối với diện tích đất 85,2m² (ký hiệu F trên sơ đồ) đã được ông K tại phiên tòa phúc thẩm chấp nhận.

Xét sự tự nguyện trên của bà Nguyễn Thị T đã được các ông Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn K chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K, bà Đinh Thị H (vợ ông T), bà Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

2. Ông T rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét ông T là người cao tuổi nên được miễn.

Ông Nguyễn Tấn H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Tấn T, bà Đinh Thị H (vợ ông T), ông Nguyễn Tấn K, bà Nguyễn Thị T có kháng cáo liên quan đến phần bản án phải sửa nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Đinh Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1, khoản 2 Điều 308 BLTTDS:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T (Nguyễn Tấn T).

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn K, bà Đinh Thị H, bà Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 34, 227, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế theo pháp luật và hủy quyết định cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của ông Nguyễn Tấn H.

+ Công nhận diện tích đất 2.467,3m² tại các thửa đất số 697, 698a, 698b thuộc tờ bản đồ số 20, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ (nay là tờ bản đồ số 89, địa chỉ K261 đường H, tổ 57, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) có giá trị là 24.671.491.067 đồng (hai mươi bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng) là di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của các cụ, gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T (Nguyễn Tấn T) và Nguyễn Tấn T mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế tương ứng với giá trị là 4.934.298.213 đồng (bốn tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, hai trăm mười ba đồng).

+ Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) cấp gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1808/QSĐĐ/1081/QĐUB ngày 06/12/1996 cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 598838, vào sổ số 2749/QSĐĐ/1081/QĐUB ngày 06/12/1996 cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn T;

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 1897/QSĐĐ/1081/QĐUB ngày 06/12/1996 cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 698b, tờ bản đồ số 20.

+ Về giao hiện vật:

- Giao cho ông Nguyễn Tấn H được nhận quyền sử dụng diện tích đất 333,1m², (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn Tấn H và bà Trần Thị B). Trị giá lô đất là 5.411.830.022 đồng (năm tỷ, bốn trăm mười một triệu, tám trăm ba mươi nghìn, không trăm hai mươi hai đồng). *(Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)*.

- Giao cho ông Nguyễn Tấn T được nhận quyền sử dụng diện tích đất 1.057,6m² và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 có cấu trúc tường xây, mái ngói, nền xi măng có diện tích 55,1m² của cụ Nguyễn H và cụ Lê Thị Đ để lại, (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn Tấn T và bà Đinh Thị H). Trị giá lô đất là 6.430.938.161 đồng (sáu tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi một đồng). *(Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)*.

- Giao cho ông Nguyễn T (Nguyễn Tấn T) được nhận quyền sử dụng diện tích đất 433,8m², (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị T). Trị giá lô đất là 6.835.700.291 đồng (sáu tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn, hai trăm chín mươi một đồng). *(Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm)*.

- Giao cho ông Nguyễn Tấn K được nhận quyền sử dụng diện tích đất 342,8m², (trên diện tích đất được nhận có công trình xây dựng và nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn Tấn K và bà Lê Thị H). Trị giá lô đất là 3.762.465.225 đồng (ba tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng). (Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

+ Về nghĩa vụ bồi trả:

- Ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 477.531.809 đồng (bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, tám trăm lẻ chín đồng).

- Ông Nguyễn T có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 729.569.088 đồng (bảy trăm hai mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

- Ông Nguyễn T có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch chia thừa kế cho ông Nguyễn Tấn K số tiền là 1.171.832.988 đồng (một tỷ, một trăm bảy mươi một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

+ Căn cứ Điều 300 BLTTDS, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Bà Nguyễn Thị T giao phần thừa kế của mình đối với phần diện tích đất 214,8m² cho ông Nguyễn Tấn T được quyền sử dụng (Ký hiệu E trên sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm) và bà T giao cho ông Nguyễn Tấn T số tiền 1.496.639.948 đồng (một tỷ, bốn trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng) mà ông T phải bồi trả chênh lệch chia thừa kế cho bà T, để phần đất và số tiền nói trên ông T tự tính toán và xây dựng nhà thờ để thờ cúng ông bà tổ tiên.

- Bà Nguyễn Thị T giao phần thừa kế của mình đối với phần diện tích đất 85,2m² cho ông Nguyễn Tấn K được quyền sử dụng (Ký hiệu F trên sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

+ Các ông Nguyễn Tấn K, Nguyễn Tấn H, Nguyễn T (Nguyễn Tấn T) và ông Nguyễn Tấn T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

+ Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Tấn T,

+ Ông Nguyễn Tấn T, bà Đinh Thị H, ông Nguyễn Tấn K, bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Đinh Thị H 300.000 đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004971 ngày 16/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm